

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/DS-ST

Ngày: 23-7-2026.

Về việc tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang.

2. Bà Dương Thị Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Cẩm H – Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ liên hệ: Số F Hương lộ B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. “Có mặt”

Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1986; CCCD số 075186013774, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ cũ: Tổ A, ấp T (nay là ấp L), xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay trình bày:

Ngày 12/9/2024, bà Võ Thị Tuyết M đến Chi nhánh B - Thành phố V của Công ty Cổ phần S Có Ngay để cầm cố tài sản vay tiền theo hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240901003NA22X ngày 12/9/2024. Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – Airblade FI, biển số 72H1-400.20, số khung RLHJF6336NZ133134, số máy JF94E0485533, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149 do Công an huyện Đ (cũ) cấp ngày 13/5/2022, để vay số tiền 21.436.170 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi đồng), thời hạn cầm cố 24 tháng, gốc, lãi, phí trả hàng tháng một lần vào ngày 12 hằng tháng. Lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí thuê xe 1.157.553 đồng/tháng. Công ty Cổ phần S đã giải ngân cho bà Võ Thị Tuyết M vay đủ số tiền trên.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, cùng ngày 12/9/2024 bà Võ Thị Tuyết M đã ký hợp đồng thuê lại xe cầm cố, với mức phí thuê xe 1.157.553 đồng/tháng, thời hạn thuê xe từ ngày 12/9/2024 đến ngày 12/9/2026. Hiện bà Võ Thị Tuyết M vẫn đang giữ chiếc xe cầm cố nêu trên; Công ty Cổ phần S đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149, cấp ngày 13/5/2022.

Từ ngày 13/12/2024 đến nay, bà Võ Thị Tuyết M không thanh toán, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê xe đã ký với Công ty Cổ phần S Có Ngay. Công ty Cổ phần S đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và cử nhân viên đến gặp trực tiếp bà Võ Thị Tuyết M để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc bàn giao lại tài sản cầm cố nhưng bà Võ Thị Tuyết M không hợp tác, cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

Tại bản tự khai và ý kiến trình bày tại Tòa án, phía nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu đối với khoản phí quản lý hồ sơ và không yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý đối với tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nêu trên. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Võ Thị Tuyết M thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí thuê xe tạm tính đến ngày 23/7/2026 là 32.455.204 đồng, trong đó:

+ Tiền nợ gốc: 19.944.989 đồng (Mười chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi chín đồng);

+ Tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 12/9/2024 đến ngày 12/12/2024): 219.395 đồng (Hai trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng);

+ Tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 13/12/2024 đến ngày 30/6/2026): 6.439.240 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng);

+ Phí thuê xe là 5.851.580 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm tám mươi đồng), không yêu cầu tính tiếp tiền thuê xe.

Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Võ Thị Tuyết M tiếp tục phải trả lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240901003NA22X kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ;

Sau khi bà Võ Thị Tuyết M thanh toán xong nợ, Công ty có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149 cho bà Võ Thị Tuyết M.

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết M vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 23/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập bà M đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà M đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích cho mình là đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị Tuyết M trả cho Công ty Cổ phần S có ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến 23/7/2026 là 32.455.204 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho Công ty Cổ phần S Có Ngay kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng.*

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Võ Thị Tuyết M theo quy định.

[2]. *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay xin rút yêu cầu bị đơn trả khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235 và khoản 2 Điều

244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn.*

[3.1]. Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240901003NA22X, ngày 12/9/2024 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay và bà Võ Thị Tuyết M được xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bên cầm cố là bà Võ Thị Tuyết M đã giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố là Công ty Cổ phần S Có Ngay để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 21.436.170 đồng đã vay của Công ty Cổ phần S; thời hạn cầm cố 24 tháng; lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng. Do đó, hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 309, Điều 310, Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Võ Thị Tuyết M đã nhận đủ số tiền vay 21.436.170 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 13/12/2024, bà Võ Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã ký với Công ty Cổ phần S Có Ngay nên phát sinh lãi quá hạn tính đến ngày 23/7/2026 là 6.439.240 đồng là phù hợp với thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 23/7/2026 bà Võ Thị Tuyết M còn nợ Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc là 19.944.989 đồng; lãi trong hạn là 219.395 đồng và lãi quá hạn là 6.439.240 đồng; tổng cộng là tổng cộng số tiền 26.603.624 đồng.

Do, bà Võ Thị Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết với Công ty Cổ phần S nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần S, buộc bà M có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên cho Công ty Cổ phần S Có Ngay là phù hợp.

[3.2]. *Về hợp đồng thuê tài sản.*

Sau khi ký hợp đồng cầm cố, cùng ngày 12/9/2024 hai bên tiếp tục ký kết thỏa thuận thuê xe (hợp đồng thuê xe), theo đó Công ty Cổ phần S Có Ngay đồng ý cho bà Võ Thị Tuyết M thuê lại chính tài sản đã cầm cố để phục vụ nhu cầu đi lại, có thu phí thuê xe tại hợp đồng thuê tài sản có tiêu đề “Thỏa thuận thuê tài sản”. Đây là quyền của bên nhận cầm cố được quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc ký kết, thu phí thuê xe là phù hợp với thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, bà M đã nhận xe để sử dụng cho đến nay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 13/12/2024 bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại các hợp đồng hai bên đã ký kết. Nay, Công ty Cổ phần S chỉ yêu cầu bà M trả phí thuê xe với số tiền cụ thể là 5.851.580 đồng, không yêu cầu tính tiếp, không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là tự

nguyên và phù hợp nên chấp nhận, buộc bà M có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền phí thuê xe 5.851.580 đồng.

[3.3]. Về lãi suất.

Kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, bà Võ Thị Tuyết M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240901003NA22X ngày 12/9/2024.

[3.4]. Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149, cấp ngày 13/5/2022 do Công ty Cổ phần S Có Ngay đang giữ.

Ngay sau khi bà Võ Thị Tuyết M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị Tuyết M bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149, cấp ngày 13/5/2022 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.623.000 đồng (Đã làm tròn số).

Trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.184.920 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 472, Điều 473, Điều 474 và Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn bà Võ Thị Tuyết M về việc yêu cầu trả khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – Airblade FI, biển số 72H1-400.20.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn bà Võ Thị Tuyết M về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc bà Võ Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23/7/2026 là 32.455.204 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm lẻ bốn đồng); trong đó: Nợ gốc là 19.944.989 đồng (Mười chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi chín đồng); lãi trong hạn là 219.395 đồng (Hai trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng); lãi quá hạn là 6.439.240 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng) và P thuê xe là 5.851.580 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, bà Võ Thị Tuyết M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240901003NA22X, ngày 12/9/2024.

3. Ngay sau khi bà Võ Thị Tuyết M thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị Tuyết M bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006149, cấp ngày 13/5/2022 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.623.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Trả lại cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.184.920 đồng (Một triệu một trăm tám mươi tư nghìn chín trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056116 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM (Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

